NGHIÊN CỨU CẤU TRÚC CẢNH QUAN LÃNH THỔ HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

Phạm Quang Tuấn, Nguyễn Cao Huần, Phạm Hồng Phong

Khoa Địa lý, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQG, Hà Nội

Hữu Lũng là một huyện nằm ở phía nam tỉnh Lạng Sơn với diện tích 80466 ha, có trên 101.230 người thuộc 23 dân tộc đang sinh sống. Nền kinh tế của huyện Hữu Lũng chủ yếu bao gồm nông nghiệp và lâm nghiệp - những ngành sản xuất phụ thuộc chặt chẽ vào điều kiện tự nhiên. Vì vậy, việc nghiên cứu địa lý tổng hợp nhằm phát hiện đặc điểm cảnh quan là cần thiết để xây dựng cơ sở khoa học cho việc quy hoạch phát triển cây trồng nông, lâm của huyện.

1. Một cách tiếp cận trong nghiên cứu cảnh quan lãnh thổ cấp huyện

Về diện tích, nhìn chung lãnh thổ cấp huyện nằm trong hệ thống các đơn vị hành chính là tương đương với cấp cảnh quan (hay vùng cảnh quan - theo quan niệm của Ixatrenko A. G, 1991, Vũ Tự Lập, 1976) trong địa lý tự nhiên tổng hợp. Nói như vậy không có nghĩa rằng trong phạm vi một huyện chỉ có một vùng cảnh quan, mà nó phụ thuộc vào tính phức tạp của địa hình, nhất là các huyện miền đồi núi có thể có hơn một. Điều đáng chú ý ở đây là khi nghiên cứu cảnh quan của một huyện phải tập trung vào các đơn vị hình thái - dạng cảnh quan (tên gọi cũ là cảnh khu) và các đơn vị phân kiểu của chúng (trừ trường hợp ngoại lệ khi huyện miền núi quá rộng).

Bên cạnh những ưu thế về tính tổng hợp, hệ thống các đơn vị cảnh quan (Ixatrenko A. G, 1991; Shishenko, 1988, Phạm Hoàng Hải và nnk, 1999, Nguyễn Thành Long và nnk, 1993) còn thể hiện tính phức tạp nhiều cấp (ít nhất có 8 cấp), vì thế chúng bị hạn chế trong việc triển khai ứng dụng sản xuất. Hệ thống các đơn vị đất đai (FAO, 1993) đơn giản hơn chỉ gồm 4 cấp (Bộ - Hạng - Hạng phụ - Đơn vị) về mặt lý thuyết, còn khi áp dụng thực tế phổ biến chỉ có một cấp gọi là đơn vị đất đai không phân biệt vào độ lớn. Các đơn vị đất đai được phân chia và được gộp nhóm lại trong phạm vi một vùng sinh khí hậu (Helmut Schmidt, 1994), vì thế tính đồng nhất cơ bản của chúng vẫn được bảo đảm và tính thực tiễn cao, có tính khả thi trong nghiên cứu và sản xuất.

Cách tiếp cận mới được trình bày trong báo cáo có thể gọi là cách tiếp cận cảnh quan hiện đại dựa trên những thế mạnh của cảnh quan học và khoa học về đất đai đã nêu ở trên. Theo cách tiếp cận này, lãnh thổ huyện trước hết được phân chia thành các cá thể địa lý, đó là các vùng cảnh quan đồng nhất về các điều kiện tự nhiên (nham thạch, địa hình, khí hậu, thuỷ văn, thổ nhưỡng và sinh vật). Trong phạm vi vùng cảnh quan với tính khá đồng nhất về khí hậu, các dạng cảnh quan và

đơn vị phân kiểu của chúng được phân chia theo các dấu hiệu cơ bản (nham thạch và dạng trung địa hình, phức hợp thổ nhưỡng - thực vật và biện pháp khai thác sử dụng). Như vậy, có thể biểu diễn hệ thống các đơn vị phân hoá cảnh quan của lãnh thổ cấp huyện và tương đương theo lôgic: Vùng cảnh quan → nhóm dạng cảnh quan/dạng cảnh quan.

Trong phạm vi huyện Hữu Lũng - một huyện đồi núi không quá rộng, với đặc điểm phân hoá tự nhiên khá rõ rệt có hai vùng cảnh quan được phân chia và mỗi vùng được đặc trưng một tập hợp có quy luật các nhóm dạng cảnh quan.

2. Đặc điểm phân hoá cảnh quan lãnh thổ huyện Hữu Lũng

2.1. Khái quát các yếu tố thành tạo cảnh quan

Nhóm các yếu tố địa chất - địa hình, khí hậu - thuỷ văn và thổ nhưỡng - sinh vật có những đặc điểm và vai trò khác nhau đối với sự thành tạo và phân hoá cảnh quan lãnh thổ Hữu Lũng.

Địa chất - địa hình: Lãnh thổ Hữu Lũng đã trải qua lịch sử phát triển địa chất khá phức tạp với các thành tạo địa chất có tuổi Cambri đến Đệ Tứ. Trong huyện có bốn loại đá chính: đá vôi, phiến sét, cát bột kết và đá phun trào riolit với diện tích nhỏ.

Lãnh thổ nghiên cứu được chia thành 3 vùng có cấu trúc địa chất và địa hình khác nhau:

- Vùng Bắc Hữu Lũng được cấu tạo bởi đá trầm tích cacbonat tuổi Cacbon - Pecmi với quá trình karst diễn ra rất mạnh mẽ, đặc trưng các khối karst sót với những đỉnh cao 400 - 500m. Các quá trình karst và xâm thực bóc mòn đã tạo ra những dãy đồi cao và núi thấp cùng những thung lũng karst.

- Vùng Nam - Đông Nam được cấu tạo bởi đá trầm tích biển và trầm tích lục nguyên tuổi Triat với các dạng đồi, núi thấp có độ cao tuyệt đối khoảng 300 - 400m, bị xâm thực bào mòn mạnh.

- Vùng Tây Bắc của huyện được cấu tạo bởi đá biến chất tuổi Cambri và đá trầm tích tuổi Devon.

Khí hậu - thuỷ văn: Khí hậu Hữu Lũng mang tính chất khí hậu nhiệt đới gió mùa với tổng tích ôn đạt 7500 - 8500°C/năm. Ở đây có mùa hè nóng và mưa nhiều, còn mùa đông lạnh và ít mưa.

Dựa vào sự khác biệt về nền nhiệt ẩm, khí hậu lãnh thổ nghiên cứu được chia thành 2 tiểu vùng: tiểu vùng phía Bắc và tiểu vùng phía Nam.

Trong huyện có 2 sông chính là sông Hoá và sông Trung với tổng chiều dài chảy qua lãnh thổ là 32km, cùng với hệ thống các dòng suối góp phần cung cấp nước cho các hoạt động sản xuất trong huyện. Bắt nguồn từ khu vực núi đá vôi, thảm thực vật bị tàn phá, vì vậy khả năng điều tiết dòng chảy của sông Trung kém, lưu

lượng bình quân mùa lũ lên tới 768 m^3/s. Đối với sông Hoá thì lưu lượng cao nhất về mùa lũ là 279 m^3/s. Cùng với hệ thống dòng chảy mặt, khu vực nghiên cứu còn có nguồn nước ngầm tương đối phong phú, độ sâu mực nước ngầm trong mùa mưa dao động từ 2 - 6 m, mùa khô từ 6 - 12m.

Thổ nhưỡng - sinh vật: Phụ thuộc vào nền vật chất rắn (đá mẹ, địa hình) và các yếu tố khác lớp phủ thổ nhưỡng khá đa dạng với 10 loại đất chính: đất đỏ vàng trên phiến sét; đất vàng nhạt trên cát bột kết; đất vàng đỏ trên riolit; đất vàng đỏ biến đổi do trồng lúa; đất phù sa (được bồi và không bồi); đất dốc tụ trên sản phẩm đá vôi và trên sản phẩm đá khác; đất nâu đỏ trên sản phẩm phong hoá đá vôi; đất đỏ vàng trên phù sa cổ. Ngoài ra, trong huyện còn có diện tích đá vôi chưa bị phong hoá chiếm tới trên 35% tổng diện tích tự nhiên.

Đất trong lãnh thổ nghiên cứu có chất lượng khá, phần lớn đất đồi núi có tầng dày trên 50 cm, thành phần cơ giới dao động từ thịt nhẹ, thịt trung bình tới thịt nặng, phản ứng đất chua, hàm lượng các chất dinh dưỡng chủ yếu từ trung bình tới trung bình khá. Mặc dù một số khu vực đất bị xói mòn, suy thoái nhưng nhìn chung đất trong vùng thích hợp cho các loại cây trồng dài ngày (vải, na, nhãn, cà phê) có giá trị kinh tế cao.

Phụ thuộc vào điều kiện khí hậu - thổ nhưỡng, thảm thực vật Hữu Lũng mang nét đặc trưng của thảm thực vật nhiệt đới ẩm rụng lá, có nhiều loài thường xanh, với ưu thế các loài: họ dầu như chò nâu (Dipteroca Rpustonkinensis), chò chỉ (Parashorca Stellata); họ dẻ (Fagaccac) như dẻ gai (Catanopitoisu); họ săng lẻ (Lagerstroc miato mentosa) như tếch (Tectonagrandis)...

2.2. Đặc điểm cấu trúc cảnh quan lãnh thổ Hữu Lũng

a. Các vùng cảnh quan

Dựa vào dấu hiệu về tính đồng nhất tương đối của các yếu tố phân hoá cảnh quan (địa chất - địa hình, khí hậu - thuỷ văn, đất và sinh vật) lãnh thổ nghiên cứu được chia thành hai vùng: vùng cảnh quan karst Bắc Hữu Lũng (vùng I) và vùng cảnh quan đồi - núi thấp Nam Hữu Lũng (vùng II) (Phạm Quang Tuấn, 2001).

Vùng cảnh quan karst Bắc Hữu Lũng phân bố trong phạm vi của các xã Thiện Kỵ, Quyết Thắng, Hoà Bình, Yên Thịnh, Yên Vượng và Kai Kinh. Đặc trưng kiểu địa hình núi đá vôi với độ cao 400 - 500m, có vách dựng đứng, bị chia cắt mạnh. Động lực hiện tại chủ yếu là các quá trình đổ lở, hoà tan rửa lũa. Giữa các dãy đá vôi có các thung lũng và cánh đồng karst với bề mặt từ bằng phẳng đến lượn sóng.

Chế độ nhiệt ẩm mang nét đặc thù của khu vực Bắc Sơn và so với vùng II nhiệt độ trung bình năm thấp (20,8°C), mùa đông ở đây rét hơn (12,8 - 14,2°C), còn mùa hè mát hơn (25,1 - 26,7°C); số ngày mưa phùn nhiều hơn, trung bình 26,8 ngày mưa phùn/năm, và tập trung chủ yếu từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau (bảng 1). Nhìn chung, khí hậu của vùng cảnh quan karst phía Bắc Hữu Lũng có lượng mưa

trung bình (1550mm/năn), mùa khô ngắn, mùa mưa dài trung bình (6 tháng mưa từ tháng IV đến tháng IX).

Bảng 1. Các đặc trưng nhiệt ẩm lãnh thổ Hữu Lũng

Các yếu tố khí hậu \ Tháng		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Năm
T° (độ)	Vùng I	12,8	14,1	17,6	21,6	25,1	26,4	26,7	26,1	24,8	22,1	17,9	14,2	20,8
	Vùng II	15,0	16,1	19,5	23,5	27,1	28,1	28,5	27,7	24,7	23,9	20,0	16,5	22,5
Lượng mưa (mm)	Vùng I	35,5	30,3	51,6	122,8	199,8	232,6	262,8	279,1	265,5	79,9	46,6	23,6	1540,9
	Vùng II	24,0	25,0	36,9	133,3	182,4	233,1	237,7	283,5	172,8	106,8	37,4	15,3	1488,2
Số ngày mưa phùn	Vùng I	4,3	6,8	7,9	3,8	0,2	0,1	0,1	0,0	0,0	0,2	1,0	2,4	26,8
	Vùng II	3,2	4,2	6,0	2,6	0,1	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,4	0,6	17,1
Độ ẩm không khí tương đối (%)	Vùng I	80	83	85	84	81	82	83	85	83	80	80	78	82
	Vùng II	79	80	84	85	81	83	84	86	84	82	79	78	82

Vào mùa mưa, nơi có địa hình cao thường xuất hiện dòng chảy tạm thời, nơi địa hình thấp, trũng thường xuyên bị ngập nước.

Lớp phủ thổ nhưỡng chủ yếu gồm các loại đất có nguồn gốc phong hoá từ đá vôi: đất dốc tụ, đất vàng đỏ bị biến đổi do trồng lúa nước, đất nâu đỏ trên đá vôi, trong đó, đất dốc tụ và đất vàng đỏ bị biến đổi do trồng lúa nước chiếm diện tích lớn.

Lớp phủ thực vật chủ yếu là các quần hợp thực vật tự nhiên ưa canxi như: lim xanh (Erythrophloeum fordii), táu mật (Vatica tonkinensis), sến mật (Madhuca pasquieri), lim xẹt (Peltoforum tonkinensis), ngát (Gironniera subaequales)... Ở những khu vực bị tàn phá do hoạt động khai thác của con người thảm thực vật phần lớn là các ưu hợp dây leo, ô rô, dứa dại... Quần hợp có nguồn gốc nhân tạo phần lớn là các loài cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày như lúa, khoai lang, ngô, đậu đỗ... thường được trồng 1 vụ.

Vùng cảnh quan đồi núi thấp Nam Hữu Lũng đặc trưng bởi kiểu địa hình đồi núi thấp bóc mòn được cấu tạo từ các trầm tích lục nguyên như cát bột kết, phiến sét... Địa hình phân thành nhiều bậc tương ứng với các dạng cảnh quan như núi thấp, đồi cao, gò đồi thấp và các thung lũng tích tụ. Các quá trình động lực hiện tại chủ yếu là quá trình bào mòn rửa trôi, bóc mòn xâm thực bề mặt.

Khí hậu của vùng này so với vùng I nói chung là nóng hơn ($T^{o}_{TB.năm}$: 22,5°C, mùa hè từ 27,1 - 28,5°C), khô hơn với 5 tháng khô, trong đó có 1 tháng hạn. Lượng mưa trung bình 1488 mm/năm, số ngày mưa phùn (17,1 ngày/năm) chỉ bằng 2/3 số ngày mưa phùn ở vùng I và tập trung phần lớn từ tháng I đến tháng IV (bảng 1).

Đặc điểm thuỷ văn của vùng khác biệt với vùng phía Bắc, bao gồm các dòng chảy thường xuyên của sông Trung và sông Hoá. Các dòng chảy cung cấp nước cho khu vực, và cũng là hệ thống tiêu nước trong mùa mưa lũ.

Lớp phủ thổ nhưỡng đa dạng với nhiều loại đất, chủ yếu là các loại đất vàng nhạt trên đá cát bột kết, đỏ vàng trên đá phiến, vàng đỏ biến đổi do trồng lúa nước, đất đỏ vàng phù sa cổ, đất dốc tụ, đất phù sa được bồi và không được bồi.

Lớp phủ thực vật đa dạng với nhiều quần hợp có nguồn gốc tự nhiên và nhân tạo. Ở những khu vực có địa hình hiểm trở, đi lại khó khăn thảm thực vật tự nhiên ít bị khai thác còn giá trị kinh tế cao, chủ yếu là những quần hợp với các loài thường xanh như: chò chỉ (Parashorca Stellata), dẻ gai (Catanopitoisu), tếch (Tectonagrandis)... Ở những khu vực có địa hình ít hiểm trở, giao thông thuận tiện, lớp phủ thực vật bị khai thác và tàn phá mạnh nên chủ yếu là các quần hợp cây bụi tạp + cỏ với ưu thế của các loài: ba bét (Mallotusapltn), thầu tấu (Aporosa chinensis), me rừng (Phyllanthus emblica), bồ cu vẽ (Breynia fructicosa), xích dương (Alniphilum forturaei), cứt lợn (Ageratum conyzoides), chè vè (Miscanthus japonicus), cỏ lào (Eupatorium odoratum), lau (Saccharum arundinaceum), lách (Miscanthus sinensis), cỏ tranh (Imperata cylindrica), sim (Rhodomyrtus tomentosa), mua (Melastoma candium)... Thực vật nhân tác bao gồm cây trồng lâm nghiệp (bạch đàn, keo tai tượng, keo lá chàm, mỡ...), cây lương thực (lúa, màu...), cây ăn quả (vải, nhãn, mít, na...), cây công nghiệp ngắn ngày và cây dài ngày (mía, thuốc lá, cà phê, chè...).

b. Tính đa dạng và tính phức tạp trong cấu trúc cảnh quan

Trên nền chung của khí hậu trong mỗi một vùng, các dạng cảnh quan được phân chia dựa vào dấu hiệu về tính đồng nhất của nham thạch, phức hợp thổ nhưỡng - thực vật trên một dạng địa hình theo phát sinh cùng biện pháp khai thác và bảo vệ. Tuỳ theo tính phức tạp và đồng nhất về địa hình có thể gộp các dạng cảnh quan thành các nhóm lớn hơn.

Theo những dấu hiệu trên, vùng cảnh quan karst Bắc Hữu Lũng gồm 7 nhóm và 18 dạng cảnh quan; vùng đồi núi thấp Nam Hữu Lũng có 11 nhóm và 50 dạng cảnh quan (bảng 2).

Hai vùng cảnh quan đều có diện tích chiếm khoảng một nửa diện tích tự nhiên của huyện (vùng I: 48,85%, vùng II: 51,15%), nhưng vùng cảnh quan phía nam có tính đồng nhất kém hơn, bị phân hoá ra làm nhiều nhóm dạng cảnh quan làm tăng tính phức tạp trong cấu trúc.

Bảng 2. Cấu trúc cảnh quan huyện Hữu Lũng

Vùng Cảnh quan	Dạng và nhóm dạng cảnh quan (CQ)	Diện tích	
		ha	%
Vùng cảnh quan karst Bắc Hữu Lũng (I)	1.1 Nhóm dạng CQ sườn đổ lở karst (gồm 2 dạng)	28484,16	35,75
	1.2 Nhóm dạng CQ bề mặt tích tụ sản phẩm phong hoá đá vôi (gồm 5 dạng)	2682,2	3,36
	1.3 Nhóm dạng CQ thung lũng karst (gồm 2 dạng)	2011,62	2,52
	1.4 Nhóm dạng CQ đồng bằng karst (gồm 3 dạng)	2929,94	3,67
	1.5 Nhóm dạng CQ gò đồi thấp trên đá cát bột kết (gồm 1 dạng)	127,05	0,16
	1.6 Nhóm dạng CQ đồng bằng và thung lũng tích tụ đa nguồn gốc (gồm 3 dạng)	2202,64	2,76
	1.7 Nhóm dạng CQ thềm tích tụ và bãi bồi sông suối (gồm 2 dạng)	499,4	0,63
	Tổng	38937,01*	48,85
Vùng cảnh quan đồi núi thấp Nam Hữu Lũng (II)	2.1 Nhóm dạng CQ bề mặt bóc mòn núi thấp trên đá riolit, đá phiến sét (gồm 2 dạng)	104,06	0,15
	2.2 Nhóm dạng CQ sườn xâm thực núi thấp trên đá riolit (gồm 9 dạng)	5887,89	7,39
	2.3 Nhóm dạng CQ sườn xâm thực núi thấp trên đá phiến sét (gồm 8 dạng)	8909,22	11,18
	2.4 Nhóm dạng CQ sườn xâm thực núi thấp trên đá cát bột kết (gồm 3 dạng)	3409,08	4,28
	2.5 Nhóm dạng CQ đồi cao bóc mòn rửa trôi trên đá phiến sét và cát bột kết (gồm 7 dạng)	2032,90	2,55
	2.6 Nhóm dạng CQ sườn gò đồi thấp rửa trôi trên đá phiến sét (gồm 7 dạng)	6308,98	7,94
	2.7 Nhóm dạng CQ gò đồi thấp rửa trôi trên đá cát bột kết (gồm 6 dạng)	4998,74	6,27
	2.8 Nhóm dạng CQ gò đồi thấp rửa trôi trên phù sa cổ (gồm 1 dạng)	70,95	0,09
	2.9 Nhóm dạng CQ máng trũng tích tụ hỗn hợp lũ tích, sườn tích và bồi tích (gồm 3 dạng)	4865,44	6,11
	2.10 Nhóm dạng CQ đồng bằng và thung lũng tích tụ đa nguồn gốc (gồm 1 dạng)	1962,98	2,46
	2.11 Nhóm dạng CQ thềm tích tụ rửa trôi bãi bồi sông (gồm 3 dạng)	2174,57	2,73
	Tổng	41239,16*	51,15
Tổng		80176,17	100%

* *Không bao gồm diện tích sông suối, ao hồ*

3. Tính đa dạng trong khai thác, sử dụng cảnh quan huyện Hữu Lũng

Tính đa dạng và phức tạp của cấu trúc cảnh quan huyện Hữu Lũng quy định tính đa dạng trong khai thác, sử dụng vào mục đích phát triển nông, lâm nghiệp.

Vùng cảnh quan karst phía bắc nổi bật sự khai thác các loài cây gỗ quý trên các nhóm dạng cảnh quan thuộc núi đá vôi như: lim xanh, sến, táu... Những khu vực rừng đã bị khai thác khó có khả năng tái sinh vì chủ yếu là đá gốc (đá vôi), các sản phẩm phong hoá chỉ tích tụ ở các hốc, khe nứt nhỏ.

Các dạng cảnh quan trên các sườn tích tụ sản phẩm của đá vôi, có độ dốc trung bình (dưới 25°), tuy mức độ đá lẫn cao nhưng khả năng thoát nước tốt, đất xốp, hàm lượng dinh dưỡng khá. Các dạng cảnh quan này ở những nơi khai thác mạnh, phần lớn là dạng cây bụi + cỏ + dây leo. Một diện tích nhỏ các dạng cảnh quan trên các sườn đổ lở đá vôi dọc quốc lộ 1A (xã Kai Kinh, Hoà Lạc) đang được khai thác để trồng na cho hiệu quả cao.

Các dạng cảnh quan đồng bằng và thung lũng karst có độ dốc địa hình nhỏ, đất dốc tụ trên sản phẩm phong hóa đá vôi và đất vàng đỏ bị biến đổi do trồng lúa nước là chủ yếu. Vì vậy đây là nơi khá thuận lợi cho các ngành trồng trọt với thảm thực vật nhân tác gồm các cây lúa, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả.

Vùng cảnh quan đồi núi thấp nam Hữu Lũng có cấu trúc phức tạp nên đa dạng về loại hình sử dụng. Thế mạnh của vùng là phát triển cây ăn quả và cây công nghiệp lâu năm với việc trồng và bảo vệ rừng. Nhóm dạng cảnh quan trên núi thấp bóc mòn một phần khá lớn bị khai thác mạnh. Ở những nơi này do bị tàn phá nên lớp phủ thảm thực vật chủ yếu là các trảng cây bụi thưa + trảng cỏ với các ưu hợp ba bét, me rừng, sim, mua, chè vè, cỏ lào, cỏ tranh... Do mất lớp phủ thực vật dẫn đến quá trình xói mòn, rửa trôi diễn ra nhanh, là nguyên nhân gây suy giảm chất lượng đất. Nhưng nhìn chung, quỹ đất của vùng còn khá, đa phần tầng dày đất đạt trên 50 cm. Nếu được bảo vệ tốt thì rừng vẫn có khả năng tái sinh trở lại, đây là biện pháp bảo vệ đất, bảo vệ rừng có hiệu quả kinh tế hơn là biện pháp trồng rừng mới.

Nhóm dạng cảnh quan trên địa hình đồi cao và gò đồi thấp chủ yếu là địa bàn định cư của cư dân địa phương, vì thế hầu hết đã và đang bị khai thác rất mạnh mẽ. Những khu vực đồi trọc độ dốc lớn lớp phủ thực vật bị tàn phá đang từng bước được trồng rừng với các loài bạch đàn, mỡ, tếch, keo chiếm ưu thế. Những khu vực địa hình thoải hiện đang được sử dụng vào phát triển nông nghiệp với các cây trồng dài ngày như vải, nhãn,... đang cho hiệu quả kinh tế cao; một phần sử dụng cho mô hình canh tác nương rẫy.

Nhóm dạng cảnh quan thung lũng tích tụ và đồng bằng tích tụ đa nguồn gốc là khu vực được khai thác, sử dụng mạnh nhất trong vùng: hoạt động sản xuất thâm canh các cây trồng lương thực ngắn ngày: lúa, ngô, khoai..., cũng như các cây trồng lâu năm mà chủ yếu là vườn cây tạp như ổi, mít, cam, nhãn... Hiện các mô hình này đang được dần thay thế bằng các vườn chuyên canh cây trồng có giá trị kinh tế cao.

Mặc dù có hai sông ớn chảy qua lãnh thổ Hữu Lũng nhưng nhóm dạng cảnh quan thềm tích tụ và bãi bồi sông không lớn mà chủ yếu là các dải nhỏ phân bố rải rác dọc theo sông Trung và sông Hoá. Những nhóm dạng cảnh quan trên địa hình có độ dốc nhỏ, tương đối bằng phẳng là địa bàn thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, đặc biệt đối với các cây lương thực. Các dạng cảnh quan bãi bồi sông do thường xuyên ngập nước vào mùa mưa lũ, nên chỉ có thể canh tác được vào mùa khô.

4. Kết luận

Nghiên cứu cảnh quan cấp huyện được tiến hành dựa vào cách tiếp cận xây dựng trên cơ sở lý luận của cảnh quan học và khoa học về đất đai sẽ cho những kết quả mang tính khoa học khách quan và tính thực tiễn cao. Lãnh thổ Hữu Lũng phân hoá thành 2 vùng cảnh quan, 18 nhóm dạng cảnh quan, 68 dạng cảnh quan khác nhau về đặc điểm hình thái và cấu trúc. Sự đa dạng trong cấu trúc cảnh quan là cơ sở tự nhiên dẫn đến sự phong phú các loại hình sử dụng đất đai.

Nghiên cứu cảnh quan lãnh thổ Hữu Lũng cung cấp các cơ sở khoa học tin cậy cho việc khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên của huyện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Quang Anh, Phân tích cấu trúc sinh thái cảnh quan ứng dụng định hướng tổ chức du lịch xanh ở Việt Nam, *Luận án PTS Địa lý - Địa chất*, Hà Nội, 1996.
2. *Chương chình tiến bộ KHKT cấp Nhà nước 42A*, Số liệu khí tượng, thuỷ văn Việt Nam, Hà Nội, 1989.
3. Phạm Hoàng Hải, Nguyễn Thượng Hùng, Nguyễn Ngọc Khánh, *Cơ sở cảnh quan học của việc sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường lãnh thổ Việt Nam*, Nxb Giáo dục. Hà Nội, 1997.
4. Nguyễn Cao Huần, Phân tích cấu trúc chức năng các địa tổng thể nhiệt đới cho mục đích sử dụng hợp lý và bảo vệ thiên nhiên, *Luận án PTS Địa lý, Đại học Tổng hợp Kiev, Ucraina* (tiếng Nga), 1992.
5. Vũ Tự Lập, *Cảnh quan miền Bắc Việt Nam*, Nxb giáo dục Hà Nội, 1979.
6. Nguyễn Thành Long và nnk, Nghiên cứu xây dựng bản đồ cảnh quan các tỷ lệ trên lãnh thổ Việt Nam, *Viện khoa học Việt Nam*, Hà Nội, 1993.
7. Phạm Quang Tuấn và nnk, Nghiên cứu sinh thái cảnh quan và định hướng quy hoạch cây ăn quả huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, *Báo cáo đề tài QT.99.14.* 2001.
8. UBND huyện Hữu Lũng, *Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Hữu Lũng thời kỳ 1998 - 2010, Hữu Lũng*, 1998.

9. A. G. Ixatrenko, *Cơ sở cảnh quan học và phân vùng địa lý tự nhiên.* Nxb Vyshaia shkola, Kiev (tiếng Nga), 1991. FAO, 1993. Guidlines for land evaluation planning. Rome, Italy.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, Nat., Sci., & Tech., T.XVIII, $N_0$2, 2002

A STUDY ON LANDSCAPE STRUCTURE OF HUU LUNG DISTRICT, LANG SON PROVINCE

Phạm Quang Tuan, Nguyen Cao Huan, Pham Hong Phong

Department of Geography, College of Science - VNU

The article deals with three main followings:

- A new research approach for studying landscape structure of district territory and equivalent is based on the analysis, choise and synthesis of the priority of landscape and land scientific achievements.

- The territory of Huu Lung is divided into two landscape regions: 1. The North Karst Landscape Region consists of 18 landscape units (Uroshistshe) grouped into 7 groups; 2. The South Hill - Mountainous Region consists of 50 landscape units (belong to 11 groups).

- Results of landscape structure study play an important role in analyzing rational use and protection of land.